TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31/5/2022
"V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Vĩnh Mai.
2. Ông Hoàng Văn Mầm.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Địa chỉ liên hệ: thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.
Bị đơn: Anh Trương Quang H, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày có nội dung như sau:

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trương Quang H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 02/11/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay Chị T thấy không còn tình cảm với anh H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị T được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012, Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013 và Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chị T đồng ý để cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013 và Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Trương Quang H trình bày:

Chị T và anh H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 02/11/2011. Quá trình chung sống anh H, Chị T có 03 con chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng anh H xác định tình cảm vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, vì anh H vẫn còn rất thương vợ và các con, nguyện vọng, mong muốn của anh H là hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp Chị T kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H có ý kiến.

Về con chung: Anh H và Chị T có 03 con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012, Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013 và Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016. Anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013 và Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh H đồng ý để Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Quang H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và Chị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 02/11/2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng hạnh phúc được thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay Chị T thấy không còn tình cảm với anh H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị T được ly hôn với anh H.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, được chính quyền địa phương cho biết anh H và Chị T là vợ chồng, có cư trú và sinh sống tại phường T, thành phố B, về mâu thuẫn

vợ chồng thì được biết vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến tình cảm vợ chồng hiện đã ngày càng trầm trọng, rạn nứt không thể hàn gắn được, hiện vợ chồng đã sống ly thân Chị T đã ra ngoài thuê nhà để ở riêng, nay Chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh H, trong đơn đề nghị Tòa án giải quyết anh H đồng ý ly hôn, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án anh H không đồng ý ly hôn mà mong muốn về đoàn tụ. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án không tiến hành hòa giải trực tiếp để hai bên đương sự giải tõa mâu thuẫn, tìm tiếng nói chung để đoàn tụ, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Bị đơn anh H không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ, nhưng không có biện pháp, cách thức và thiện chí hòa giải. Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa Chị T và anh H đã trầm trọng, gay gắt, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh H và Chị T có 03 con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012, Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013 và Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016.

Xét nguyện vọng của các bên đương sự, căn cứ vào quyền lợi của các con chung, để ổn định cuộc sống, điều kiện nuôi dạy con chung được tốt nhất Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của Chị T, giao 02 con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012 và Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013, cho Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Giao con chung là Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016, cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Chị T, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh T xin ly hôn anh Trương Quang H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Quang H.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trương Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/02/2012 và Trương Nguyễn Thảo N, sinh ngày 10/9/2013, cho Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Giao con chung là Trương Nhã P, sinh ngày 27/10/2016, cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Trương Quuang H được quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0012323 ngày 24/02/2022.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niếm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND phường T, TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh